TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 548/2026/HC-PT
Ngày 14 tháng 5 năm 2026
V/v: Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 224/2026/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2026 về: *"*Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" .

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2025/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1110/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1967; có mặt

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn L, sinh năm 1954; có mặt

Địa chỉ cư trú: Khu phố C, phường B, tỉnh Lâm Đồng; theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/7/2024.

- *Người bị kiện:*

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quốc Đ - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Số C T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đặng Phước H1 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực H, tỉnh Lâm Đồng; có đơn xin vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1942; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970; ông Nguyễn Vinh H2, sinh năm 1974 (có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1977; vắng mặt); ông Nguyễn Vinh H3, sinh năm 1975; ông Nguyễn Quốc H4, sinh năm 1975; bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1982; bà T, ông H3 có mặt; các đương sự khác vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố T, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1: Ông Nguyễn Vinh H3, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khu phố T, xã H, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L1: Ông Nguyễn Văn T4, là Luật sư của Văn phòng Luật sư số 10A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; địa chỉ: A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện H, tỉnh Lâm Đồng

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L1 là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo trình bày của Người khởi kiện:* Năm 1990, bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C (đã chết) là xã viên nên được Hợp tác xã M cấp cho 02 thửa ruộng nhưng không liền kề nhau, một phần ruộng ở bờ vùng và một phần ruộng lò gạch. Vì vậy, vợ chồng bà H, ông C làm đơn xin đổi thửa ruộng ở bờ vùng để nhận phần ruộng ở lò gạch cho thuận tiện canh tác và được Hợp tác xã đồng ý. Cụ thể, vợ chồng bà H nhận đất lò gạch có diện tích 2.048m^2 do ông Nguyễn Văn H5 đang canh tác; đổi lại, ông H5 được Hợp tác xã cấp cho diện tích 4000m^2 đất ruộng Quao gần tuyến kênh K. Sau khi nhận đất, vợ chồng bà H sử dụng một phần đất trồng lúa, phần còn lại trồng thanh long. Ngày 03/6/2010, bà H được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.527,5m^2 đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 26. Sau đó, bà H phát hiện diện tích đất trên cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 268078, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04336 ngày 24/5/2016 cho ông Nguyễn Văn H5. Vì vậy, bà Trần Thị Kim H khởi kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B và Ủy ban nhân dân huyện H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn H5.

- *Theo trình bày của Người bị kiện:*

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trình bày: Diện tích 1.527,5 m^2 thuộc thửa đất 136, tờ bản đồ số 26, tại khu phố T, thị trấn M thuộc thửa đất số 573 có diện tích 2.048m^2 có nguồn gốc do Hợp tác xã 2 Ma Lâm chia bình quân nhân khẩu và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H5 vào ngày 21/12/1990, nhưng sau đó hộ ông H5 không sử dụng đất. Năm 1994, vợ chồng ông C, bà H khai hoang, sử dụng và đăng ký, kê khai đất. Ngày 03/8/2010, Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ông C. Đến năm 2016, ông H5 nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi 02 thửa đất trên. Ngày 24/5/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 268078 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.527,5m^2 đứng tên ông H5. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn H5 vào ngày 21/12/1990 trong khi hộ gia đình ông H5 không có quá trình sử dụng đất là không đúng pháp luật. Do đó, việc Sở T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H5 vào ngày 24/5/2016 cũng là cấp không đúng đối tượng. Ủy ban nhân dân huyện H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H.

- *Theo trình bày của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1:* Diện tích 1.527,5 m^2 thuộc thửa đất 136, tờ bản đồ số 26, tại khu phố T, thị trấn M thuộc thửa đất số 573 có diện tích 2.048m^2 có nguồn gốc do Hợp tác xã 2 Ma Lâm chia bình quân nhân khẩu và cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H5 vào ngày 21/12/1990. Đến năm 2016, ông H5 vẫn tiếp tục được Ủy ban nhân dân H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên đã được cấp cho ông H5 nhưng sau đó lại cấp tiếp cho bà H là không đúng. Đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2025/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 268078, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04336 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L) cấp cho ông Nguyễn Văn H5 vào ngày 24/5/2016, thửa đất số 136, tờ 26, diện tích 1527,5m^2 tại thôn T, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận (cũ), đã cập nhật biến động thừa kế sang tên bà Nguyễn Thị L1 ngày 07/9/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025, bà Nguyễn Thị L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Nguyễn Thị L1 trình bày quan điểm:* Đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông H5 sử dụng từ trước năm 1975, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/12/1990. Gia đình ông H5 sử dụng liên tục đến năm 2010 thì bị gia đình ông C ngăn cản, đuổi đánh, không cho sử dụng đất và chiếm giữ đất sử dụng cho đến ngày phát sinh tranh chấp. Đến năm 2016, ông H5 vẫn tiếp tục được Ủy ban nhân dân huyện H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên. Như vậy, có thể khẳng định rằng việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với cùng diện tích đất đã cấp cho ông H5 là không đúng đối tượng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1 trình bày ý kiến:* Thống nhất với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L1.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện:* Bảo lưu toàn bộ ý kiến đã trình bày trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Kim H trình bày quan điểm: Thống nhất với quan điểm của Người đại diện theo ủy quyền, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định, việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn H5 vào ngày 21/12/1990 trong khi hộ gia đình ông H5 không có quá trình sử dụng đất là không đúng pháp luật. Vì vậy, việc Sở T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H5 vào ngày 24/5/2016 cũng là cấp không đúng đối tượng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L1 không xuất trình được chứng cứ nào mới có giá trị pháp lý làm thay đổi nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1 nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1 như sau:

[4.1] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Diện tích 1.527,5m^2 đất trồng lúa thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 26 tại khu phố T, thị trấn M có nguồn gốc do vợ chồng bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C khai phá vào năm 1994. Việc khai phá, sử dụng đất được bà H, ông C đăng ký, kê khai tại cơ quan quản lý đất đai địa phương. Quá trình sử dụng đất, bà H

và ông C thực hiện việc đăng ký, kê khai, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất hằng năm đối với diện tích đất nêu trên. Ngày 03/6/2010. Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659218 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H. Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà H được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 4 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 14, điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

[4.2] Tại Công văn số 1610/UBND-NC ngày 12/6/2025, Ủy ban nhân dân huyện H khẳng định: Diện tích 1.527,5m^2 đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ 26 tại khu phố T, thị trấn M, theo bản đồ 299 thuộc thửa đất số 573/2.048m^2, tờ bản đồ số 3, có nguồn gốc do Hợp tác xã M chia bình quân nhân khẩu và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A319101 cho hộ ông Nguyễn Văn H5 vào ngày 21/12/1990. Tuy nhiên trên thực tế, hộ ông Nguyễn Văn H5 không có quá trình sử dụng đất. Năm 1994, vợ chồng bà H khai hoang, sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010. Tuy nhiên vào năm 2016, ông H5 nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi thửa đất nói trên và thửa đất số 136 theo Giấy chứng nhận A319101 ngày 21/12/1990 đã được Sở T thu hồi và cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 268078 ngày 24/5/2016. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H5 đối với thửa đất số 136 trong khi ông H5 không có quá trình sử dụng đất là cấp không đúng đối tượng. Do đó, việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H5 đối với thửa đất số 136 cũng là không hợp pháp.

[4.3] Sau khi ông H5 qua đời, bà Nguyễn Thị L1 nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ ông H5 vào năm 2020, sau đó ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H3 đối với thửa số 136 nêu trên. Tuy nhiên, trên thực tế không có việc chuyển giao quyền sử dụng đất ; do đó, Ủy ban nhân dân huyện H cần phải thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H5, đã cập nhật sang tên bà L1 để đảm bảo cho bà H được thực hiện đầy đủ quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định pháp luật.

[4.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L1 xác nhận ông H5 không sử dụng đất từ năm 1994 với lý do bị gia đình ông C ngăn cản nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Hơn nữa, tại Điều 26 Luật Đất đai năm 1993 quy định: Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất khi đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất đó cho phép. Như vậy, việc không sử dụng đất liên tục trong nhiều năm của gia đình ông H5 thuộc trường hợp bị thu hồi ngay cả khi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Do đó, kháng cáo của bà L1 là không có cơ sở chấp nhận.

[4.5] Quan điểm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L1 thì không được chấp nhận.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 là người cao tuổi nên được miễn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2025/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2025/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Áp dụng: Luật Đất đai năm 2003, năm 2013; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 268078, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04336 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L) cấp cho ông Nguyễn Văn H5 vào ngày 24/5/2016 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 26, diện tích 1527,5m^2 tại thôn T, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận (cũ) - nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng, đã cập nhật biến động thừa kế sang tên bà Nguyễn Thị L1 ngày 07/9/2020.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị Kim H không phải chịu, hoàn trả cho bà H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0000198 ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Thuận (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 được miễn.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 132/2025/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường